

Số: 25 /QĐ-HĐGSNN

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 14/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2024-2029;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ đề xuất của các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2024 về Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2024;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của 28 Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2024 (danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Chủ tịch Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành, Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2024, Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

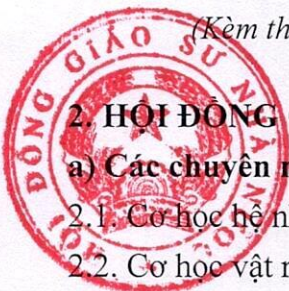
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐGSNN;
- Các HĐGS ngành, liên ngành (để thực hiện);
- Các HĐGS cơ sở (để thực hiện);
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Kim Sơn



2. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH CƠ HỌC

a) Các chuyên ngành (Specialization):

- 2.1. Cơ học hệ nhiều vật (Mechanics of Multibody systems)
- 2.2. Cơ học vật rắn (Mechanics of Solids)
- 2.3. Cơ học vật liệu (Mechanics of Materials)
- 2.4. Cơ học chất lỏng và chất khí (Mechanics of Fluids and Gases)
- 2.5. Cơ học công trình (Mechanics of Structures)
- 2.6. Cơ học đất, đá và nền móng (Mechanics of Soils, Rocks and Foundations)
- 2.7. Cơ học máy (Mechanics of Machines)
- 2.8. Cơ học chất lỏng và chất khí kỹ thuật (Mechanics of Engineering Fluids and Gases)
- 2.9. Cơ điện tử (Mechatronics)
- 2.10. Thủy lực (Hydraulics)
- 2.11. Cơ kỹ thuật (Engineering Mechanics)
- 2.12. Kỹ thuật cơ khí (Mechanical Engineering)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	Web of Science uy tín ⁽¹⁾	0 – 3,0
			Tạp chí	Quốc tế uy tín ⁽¹⁾	0 – 2,0
			Tạp chí	Web of Science khác, Scopus ⁽²⁾	0 – 1,5
2.	Tạp chí khoa học quốc tế trong danh mục Asean Citation Index (ACI) chuyên ngành Cơ học		Tạp chí		0 – 1,0 0 - 1,25 từ 2020
	Tạp chí khoa học quốc tế trong danh mục Asean Citation Index (ACI) không thuộc chuyên ngành Cơ học		Tạp chí		0 – 1,0 từ 2024
	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐGS ngành quyết định cụ thể từng trường hợp ⁽³⁾	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế chuyên ngành Cơ học		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 – 1,0

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 – 0,5
5.	Chuyên san Đo lường, Điều khiển và Tự động hóa (Measurement, Control and Automation)	1859-0551	Tạp chí	Hội Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	0 – 0,5 từ 2020
6.	Cơ khí Việt Nam	2615-9910 (0866-7056)	Tạp chí	Tổng Hội Cơ khí Việt Nam	0 – 0,5 từ 2016
7.	Communications in Physics (Tên cũ: Vật lý)	0868-3166	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2020
8.	Công nghiệp Mỏ	3030-4172 (0868-7052)	Tạp chí	Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam	0 – 0,25
9.	Dầu khí	2615-9902 (0866-854X)	Tạp chí	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	0 – 0,5
10.	Địa kỹ thuật	0868-279X	Tạp chí	Viện Địa kỹ thuật, Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2016
11.	Giao thông vận tải	2354-0818 e-2615-9791 (0866-7012)	Tạp chí	Bộ Giao thông vận tải	0 – 0,25
12.	Journal of Computer Science and Cybernetics (Tên cũ: Tin học và Điều khiển học)	1813-9663	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2020
13.	Journal of Science and Technology in Civil Engineering	p-1859-2996 e-2734-9268	Tạp chí ACI	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	0 – 0,5 0 – 1,0 từ 2021
14.	Khoa học Công nghệ Xây dựng	p-2615-9058 e-2734-9489	Tạp chí	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	0 – 0,5
15.	Khí tượng Thủy văn	2525-2208 (0866-8744)	Tạp chí	Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường	0 – 0,5
16.	Khoa học (Ho Chi Minh City Open University Journal of Science-Engineering and Technology	p-2734-9322-V e-2734-9594-V p-2734-9390-E e-2734-9608-E (1859-3453)	Tạp chí	Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5 bản tiếng Việt từ 2024 0 – 0,5 từ 2023 bản tiếng Anh

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

17.	Khoa học	1859-3100	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25
18.	Khoa học – Công nghệ Hàng Hải	1859-316X	Tạp chí	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2016
19.	Khoa học và Công nghệ (Journal of Science and Technology)	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5 0 – 1,0 từ 2022
20.	Khoa học và Công nghệ	2734-9098 e-2615-9562	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5
21.	Khoa học & Kỹ thuật (Journal of Science & Technique)	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự	0 – 0,5
22.	Khoa học giáo dục kỹ thuật	2615-9740-V 1859-1272-E	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2023
23.	Khoa học & Công nghệ các trường ĐH kỹ thuật	- 0868-3980 từ tháng 12/1996 - 2354-1083 từ tháng 3/2015 - 2734-9381 từ tháng 3/2021 2734-9373	Tạp chí	ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp - ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp, Trường ĐH Bách khoa – ĐHQG TP HCM, Trường ĐH SP Kỹ thuật TP HCM, HV Công nghệ Bưu chính Viễn thông	0 – 0,75
24.	Khoa học Giao thông vận tải	p-1859-2724 e-2615-9554	Tạp chí ACI	Trường Đại học Giao thông vận tải	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2016 0 – 1,0 từ 2022
25.	Khoa học Kiến trúc và Xây dựng	1859-350X	Tạp chí	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2016
26.	Khoa học Kỹ thuật Mỏ – Địa chất	1859-1469	Tạp chí	Trường Đại học Mỏ – Địa chất	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2023
27.	Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường	1859-3941	Tạp chí	Trường Đại học Thủy lợi	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2016
28.	Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (Tên cũ: Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp)	p-1859-0004 e-2588-1299	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0 – 0,25
29.	Khoa học và công nghệ Biển	1859-3097	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75
30.	Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	1859-4255	Tạp chí	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	0 – 0,5

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

31.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (bản B)	p-1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5 từ 2020 0 – 1,0 từ 2022
32.	Khoa học: KH học Tự nhiên và Công nghệ	2615-9317	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5 từ 2020
33.	Kỹ thuật và Trang bị	1859-249X	Tạp chí	Tổng cục Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng	0 – 0,25
34.	Năng lượng nhiệt	0868-3336	Tạp chí	Hội Khoa học Kỹ thuật Nhiệt Việt Nam	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2016
35.	Nghiên cứu khoa học và Công nghệ Quân sự	1859-1043	Tạp chí	Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2023
36.	Nuclear Science and Technology	1810-5408	Tạp chí	Hội Năng lượng Nguyên tử Việt Nam	0 – 0,75 0 – 0,5 từ 2024
37.	Phát triển Khoa học và công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2023
38.	Science Journal of Transportation	2410-9088	Tạp chí	Trường Đại học GTVT - Đại học kỹ thuật Giao thông đường bộ Matxcova - Đại học Giao thông Tây Nam Trung Quốc	0 – 0,5 từ 2020 0 – 0,75 từ 2023
39.	Khoa học ĐH Huế Journal of Science	1859-1388	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2016 Bản tiếng Việt 0 – 1,0 từ 2021 Bản tiếng Anh
40.	TNU Journal of Science and Technology	2734-9098 e-2615-9562	Tạp chí ACI	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5 0 – 1,0 từ 2021
41.	Ứng dụng Toán học	1859-4492	Tạp chí	Hội Toán học Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2016
42.	Vietnam Journal of Earth Sciences (Cũ: Các khoa học về Trái đất)	p-0866-7187 e-2615-9783	Tạp chí ACI, Scopus	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2020 0 – 1,25 từ 2022
43.	Vietnam Journal of Mechanics (Tên cũ: Tạp chí Cơ học)	0866-7136	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2020
44.	Vietnam Journal of Science and Technology (Tên cũ: Khoa học & Công nghệ)	2525-2518 e-2815-5874 (0866-708X)	Tạp chí ACI, Scopus	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2020 0 – 1,5 từ 2023
45.	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (bản C)	2525-2461	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,0 từ 2020

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

46.	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics (Tên cũ: Khoa học – Khoa học tự nhiên)	2615-9341	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,75
47.	Xây dựng	2734-9888 (0866-8762)	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 – 0,25
48.	CTU Journal of Innovation and Sustainable Development (Cũ: Can Tho University Journal of Science)	p-2615-6422 e-2815-5602	Tạp chí ACI	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 1,0 từ 2023
49.	Journal of Advanced Engineering and Computation	2588-123X	Tạp chí ACI	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	0 – 1,0 từ 2023
50.	Khoa học và Công nghệ Giao thông	2734-9942	Tạp chí	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	0 – 0,25 từ 2023
51.	Khoa học công nghệ xây dựng	1859-1566	Tạp chí	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Bộ Xây dựng	0 – 0,5 từ 2023
52.	Khoa học	2354-1423	Tạp chí	Trường Đại học Cửu Long	0 – 0,25 từ 2023
53.	Khoa học	p-1859-2333 e-2815-5599	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2023
54.	Khoa học	1859-2228	Tạp chí	Trường Đại học Vinh	0 – 0,25 từ 2023
55.	Journal of Science: Advanced Materials and Devices	p-2468-2284 e-2468-2179	Tạp chí SCIE	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,75
56.	Phát triển Khoa học và Công nghệ: Kỹ thuật và Công nghệ	2615-9872	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2023
57.	Phát triển Khoa học và Công nghệ: Khoa học tự nhiên	2588-106X	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2024
58.	Khoa học và Công nghệ	p-1859-3585 e-2615-9619	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	0 – 0,25 từ 2024

Chú thích:

1) “Web of Science uy tín” và “Quốc tế uy tín” là các tạp chí thuộc chuyên ngành Cơ học và các chuyên ngành kỹ thuật liên quan đến Cơ học trong Danh mục Web of Science và quốc tế có uy tín theo Quyết định 95/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 30/12/2021 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

2) Danh mục tạp chí “Web of Science khác, Scopus” được tra tại các website:

<https://mjl.clarivate.com/>; <https://www.scopus.com/>;

3) Các tạp chí khoa học quốc tế khác do HĐGS ngành quyết định phải đảm bảo các điều kiện:

- Mục đích và phạm vi được công bố rõ ràng.
- Có Ban biên tập quốc tế và được công bố rõ ràng
- Có công bố quy trình phản biện và có 2 phản biện kín.
- Đa dạng về nguồn gốc của các tác giả; thông tin về tác giả phải đầy đủ
- Định dạng là tạp chí khoa học.
- Xuất bản đúng hạn; có ít nhất 3 năm xuất bản hoặc 6 số liên tục.

c) Nhà xuất bản có uy tín:

- Danh mục các nhà xuất bản quốc tế uy tín được xếp hạng tại website Ranking of Academic Publishers:

https://en.wikipedia.org/wiki/Rankings_of_academic_publishers

<http://www.sense.nl/organisation/documentation>

Chọn các nhà xuất bản xếp hạng A*, A, B, C, không chọn loại D.

- Danh mục các nhà xuất bản trong nước có uy tín: Giáo dục, Khoa học và Kỹ thuật, ĐHQG Hà Nội, ĐHQG TP HCM, Khoa học tự nhiên và Công nghệ (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam), Xây dựng, Giao thông Vận tải, Bách khoa Hà Nội, Đại học Thái nguyên.

d) Tác giả chính:

Tác giả chính là tác giả đứng đầu (First author), tác giả liên hệ (Corresponding author) hoặc tác giả được ghi rõ tỷ lệ đóng góp lớn so với các đồng tác giả khác.

e) Sách chuyên khảo:

Sách chuyên khảo là công trình khoa học trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện của ứng viên về một vấn đề khoa học chuyên ngành.